



CƠ SỞ TÍNH LỆ SỖ PHÂN BỐ CHO XÃ, PHƯỜNG THEO TIÊU CHÍ SUY DINH DƯỠNG THẤP CÒI TRẺ EM DƯỚI 5 TUỔI

Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Xã/phường	Trẻ dưới 5 tuổi (trẻ)	Trẻ thấp còi	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi	Hệ số điểm trẻ suy dinh dưỡng thấp còi	Điểm phân bổ tiêu chí tổng tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi (5 điểm)	Ghi chú
A	B	I	2	$3=(2/1)*100$	4	5	6
1	Phường An Xuyên	4.649	643	13,8309	5	0,0856	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trên 20%: Hệ số 10 điểm. - Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi từ 10% đến 20%: Hệ số 5 điểm. - Tỷ lệ dưới 10%: Hệ số 1 điểm.
2	Phường Lý Văn Lâm	2.442	184	7,5348	1	0,0171	
3	Phường Tân Thành	3.619	984	27,1898	10	0,1712	
4	Phường Hòa Thành	2.181	332	15,2224	5	0,0856	
5	Phường Bạc Liêu	4.117	681	16,5412	5	0,0856	
6	Phường Vĩnh Trạch	2.516	368	14,6264	5	0,0856	
7	Phường Hiệp Thành	2.394	372	15,5388	5	0,0856	
8	Phường Giá Rai	3.039	259	8,5225	1	0,0171	
9	Phường Láng Tròn	2.115	320	15,1300	5	0,0856	
10	Xã Khánh Bình	2.456	238	9,6906	1	0,0171	
11	Xã Đá Bạc	2.101	311	14,8025	5	0,0856	
12	Xã Khánh Hưng	1.510	116	7,6821	1	0,0171	
13	Xã Sông Đốc	2.778	213	7,6674	1	0,0171	
14	Xã Trần Văn Thời	2.204	217	9,8457	1	0,0171	
15	Xã Tân Thuận	1.368	239	17,4708	5	0,0856	
16	Xã Tân Tiến	1.275	217	17,0196	5	0,0856	
17	Xã Tạ An Khương	1.256	278	22,1338	10	0,1712	
18	Xã Trần Phán	1.157	103	8,9023	1	0,0171	
19	Xã Đầm Dơi	1.740	246	14,1379	5	0,0856	
20	Xã Thanh Tùng	1.058	130	12,2873	5	0,0856	
21	Xã Quách Phẩm	1.159	180	15,5306	5	0,0856	
22	Xã Thới Bình	1.428	247	17,2969	5	0,0856	
23	Xã Trí Phải	2.156	362	16,7904	5	0,0856	
24	Xã Tân Lộc	1.323	220	16,6289	5	0,0856	
25	Xã Biển Bạch	1.267	176	13,8911	5	0,0856	
26	Xã Hồ Thị Kỳ	1.076	155	14,4052	5	0,0856	
27	Xã U Minh	1.720	136	7,9070	1	0,0171	
28	Xã Nguyễn Phích	1.853	270	14,5710	5	0,0856	
29	Xã Khánh An	1.062	179	16,8550	5	0,0856	
30	Xã Khánh Lâm	1.537	251	16,3305	5	0,0856	
31	Xã Lương Thế Trân	928	121	13,0388	5	0,0856	
32	Xã Tân Hưng	1.197	187	15,6224	5	0,0856	
33	Xã Hưng Mỹ	1.895	240	12,6649	5	0,0856	
34	Xã Cái Nước	1.977	267	13,5053	5	0,0856	
35	Xã Cái Đôi Vàm	1.747	257	14,7109	5	0,0856	
36	Xã Nguyễn Việt Khái	1.729	281	16,2522	5	0,0856	
37	Xã Phú Tân	1.325	182	13,7358	5	0,0856	
38	Xã Phú Mỹ	952	192	20,1681	10	0,1712	
39	Xã Đất Mới	970	93	9,5876	1	0,0171	
40	Xã Năm Căn	1.054	159	15,0854	5	0,0856	
41	Xã Tam Giang	831	83	9,9880	1	0,0171	
42	Xã Đất Mũi	1.549	250	16,1394	5	0,0856	
43	Xã Phan Ngọc Hiền	860	128	14,8837	5	0,0856	
44	Xã Tân Ân	740	109	14,7297	5	0,0856	
45	Xã Phong Thạnh	2.365	553	23,3827	10	0,1712	
46	Xã Gành Hào	1.075	165	15,3488	5	0,0856	
47	Xã Định Thành	1.644	292	17,7616	5	0,0856	
48	Xã An Trạch	1.272	176	13,8365	5	0,0856	
49	Xã Long Điền	1.570	245	15,6051	5	0,0856	
50	Xã Đông Hải	1.901	314	16,5176	5	0,0856	
51	Xã Hồng Dân	2.225	387	17,3933	5	0,0856	
52	Xã Vĩnh lộc	1.154	175	15,1646	5	0,0856	
53	Xã Ninh Thạnh Lợi	1.033	185	17,9090	5	0,0856	
54	Xã Ninh Quới	1.379	190	13,7781	5	0,0856	
55	Xã Phước Long	1.892	108	5,7082	1	0,0171	
56	Xã Vĩnh Phước	1.788	259	14,4855	5	0,0856	
57	Xã Vĩnh Thanh	1.508	198	13,1300	5	0,0856	
58	Xã Phong Hiệp	1.365	203	14,8718	5	0,0856	
59	Xã Hưng Hội	1.256	113	8,9968	1	0,0171	

60	Xã Châu Thới	1.971	297	15,0685	5	0,0856
61	Xã Hòa Bình	2.814	436	15,4940	5	0,0856
62	Xã Vĩnh Lợi	1.481	215	14,5172	5	0,0856
63	Xã Vĩnh Hậu	2.032	331	16,2894	5	0,0856
64	Xã Vĩnh Mỹ	2.548	445	17,4647	5	0,0856
Tổng	64 xã, phường	112.583	16.463	929	292	5

Ghi chú:

- Số liệu trên do UBND các xã phường thống kê cung cấp.

- Tổng tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của tỉnh là 18,1%, được xác định 5 điểm. Hệ số phân bổ điểm cho 64 xã/phường là $5/292 = 0,017123288$. Điểm của từng xã/phường được tính bằng $0,017123288 \times$ điểm của từng xã/phường theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026.